

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-PT

Ngày: 21- 8 -2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Hải

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Đức Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2018/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20-01-1991, tại Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn M, xã L, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 - Sinh năm 1967 và bà Lê Thị Th - sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Lò Thị T (đã ly hôn), chưa có con; Tiền án: có 01 tiền án: Theo bản án hình sự phúc thẩm số 32/2017/HSPT ngày 08-8-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách 02 năm. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08-3-2018. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại được triệu tập đến phiên tòa: Lương Thị A

Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, huyện T1, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra trong vụ án còn có người bị hại khác nhưng không liên quan đến nội dung kháng cáo, không có kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12-2017 Nguyễn Văn H lập một tài khoản Facebook với tên giả là “Đinh Văn S”, kết bạn với chị Hoàng Thị Kim N cư trú ở khu 2 xã X, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo tự giới thiệu mình tên là S và đang công tác tại công an tỉnh Lào Cai. Ngày 08-2-2018 chị N đã lên Yên Bái gặp H và cả hai vào nhà nghỉ Khánh Hưng ở tổ 7, phường N1, thành phố Y để nghỉ qua đêm. Tại nhà nghỉ, H đã dùng tay đánh, bóp cổ và đe dọa khiến chị N sợ hãi không thể kháng cự được và chiếm đoạt chiếc điện thoại hiệu OPPO F1 của chị N. Để chị N không thể hô hoán, cầu cứu, bị cáo đã dùng khăn quàng cổ của chị N trói tay chị N vào thanh INOX phơi khăn mặt trong nhà vệ sinh của nhà nghỉ rồi bỏ đi. Chiếc điện thoại di động của chị N sau đó H đã bán được 1.500.000 đồng và tiêu xài hết.

Cũng trong tháng 12-2017 Nguyễn Văn H lập một tài khoản Facebook với tên giả là “Nguyễn D” và kết bạn, làm quen với chị Lương Thị A, ở Xóm Đ, xã P, huyện T1, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo tự giới thiệu là công an hiện đang công tác tại tỉnh Lai Châu. Ngày 02-3-2018 chị A lên Yên Bái để gặp H và cả hai thuê nhà nghỉ Hưng Thịnh Phát ở tổ 7, phường N1, thành phố Y để nghỉ qua đêm. Tại phòng nghỉ bị cáo đã mượn điện thoại của chị A để chơi điện tử sau đó bảo chị A đi mua nước uống. Sau khi chị A rời khỏi phòng nghỉ, H đã cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG J7 của chị A đi ra cửa sau của nhà nghỉ thuê taxi về nhà. Chiếc điện thoại này bị cáo đã bán được 1.700.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/KLĐG ngày 09-3-2018 đã xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 vỏ máy màu hồng do bị cáo chiếm đoạt của chị Lương Thị A có trị giá là: 3.020.000 đồng. Chiếc điện thoại hiệu OPPO F1 bị cáo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị Kim N có trị giá là: 3.910.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS -ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 174; các điểm h,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; các Điều 47, 55, 56 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 357;468; 584;585;586; 589 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp chung cho cả hai tội là: 05 (Năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 32/2017/HSPT ngày 08-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08-3-2018, được khấu trừ 03 (ba) tháng 02 (hai) ngày tạm giam theo bản án trước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09-8-2018 Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái nhận được đơn xin giảm án cho bị cáo của người bị hại Hoàng Thị Kim N. Trong đơn thể hiện bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. (Đơn đề ngày 19-6-2018)

Ngày 08-8-2018 người bị hại Lương Thị A có đơn xin giảm án cho bị cáo, trong đơn thể hiện bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 29/2018/HS-ST ngày 12-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y. Áp dụng khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 174; Các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Các Điều 55; 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và xử phạt bị cáo từ 14 tháng đến 16 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của cả hai tội và tổng hợp hình phạt của bản án số 32/2017/HSPT ngày 08-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thừa nhận đã thông qua các tài khoản Facebook đưa ra các thông tin sai sự thật về bản thân nhằm làm quen và rủ rê các cô gái đi chơi cùng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Thực tế bị cáo đã làm quen và rủ được chị Hoàng Thị Kim N lên Yên Bái chơi. Khi gặp mặt, bị cáo đã dùng vũ lực tấn công, dùng khăn quàng cổ trói tay chị N dẫn đến nạn nhân không thể kháng cự hay cầu cứu để chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại OPPO F1 của chị N, có trị giá qua định giá là 3.910.000 đồng. Cũng với thủ đoạn trên, bị cáo đã rủ chị Lương Thị A lên Yên Bái chơi. Khi gặp mặt, bị cáo đã mượn điện thoại sau đó dùng thủ đoạn nhờ chị A đi mua nước uống để chị A không thể quản lý được tài sản rồi chiếm đoạt chiếc điện thoại hiệu SAMSUNG J7 của chị A, có trị giá qua định giá là 3.020.000 đồng.

Với lời khai của bị cáo, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện bị cáo đã thực hiện hành vi sử dụng ngay tức khắc vũ lực và đe dọa làm nạn nhân lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản của chị Hoàng Thị Kim N. Đồng thời đã có thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị Lương Thị A.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cướp và lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác với động cơ vụ lợi. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về mức hình phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H là người có nhân thân xấu. Bị cáo đang phải chấp hành hình phạt 01 năm tù nhưng được cho hưởng án treo theo bản án số 32/2017/HSPT ngày 08-8-2017 của Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa hết thời gian thử thách đã lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Nên việc Toà án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là đúng. Đồng thời buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù đối với mức hình phạt 01 năm trước đây được hưởng án treo theo bản án

số 32/2017/HSPT ngày 08-8-2017 là phù hợp với quy định của Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Trong lượng hình, cấp sơ thẩm cũng đã cho bị cáo hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó mức hình phạt đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi do bị cáo gây ra, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo: Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 09-8-2018 Tòa án cấp phúc thẩm nhận được đơn xin giảm án cho bị cáo của bị hại Hoàng Thị Kim N (đơn viết ngày 19-6-2018 nhưng không gửi Tòa án cấp sơ thẩm) và giấy biên nhận đã nhận tiền bồi thường từ phía gia đình bị cáo. Ngày 08-8-2018 người bị hại Lương Thị A có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa, bị cáo khai đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho những người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Sửa phần hình phạt của bản án số 29/2018/HS-ST ngày 12-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là trường hợp sửa án do phát sinh tình tiết mới, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2018/HS-ST ngày 12-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 174; các điểm b; h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 55, 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp chung cho cả hai tội là: 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt hình phạt 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo của bản án số 32/2017/HSPT ngày 08-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08-3-2018, được khấu trừ 03 (ba) tháng 02 (hai) ngày tạm giam theo bản án trước.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh, VKS cấp cao;
- TAND thành phố Y;
- THA DS tp Y;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TA, HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Dũng

